TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2017

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Đào.

2. Bà Lâm Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoàng K, sinh năm 1984(có mặt).

Địa chỉ: Số …. ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quỳnh T, sinh năm 1984(vắng mặt).

Địa chỉ: Số … ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 23 tháng 6 năm 2017, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng K trình bày:

Bà và ông Trần Quỳnh T đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã T, huyện M, đến năm 2011 mới tổ chức cưới. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc được 03 năm, thì phát sinh mâu thuẫn do việc chồng bà chi tiêu tài chính không rõ ràng, thiếu trách nhiệm chung, dẫn đến thâm hụt lớn. Tuy bà cùng ông T cũng đã khắc phục nhiều lần nhưng ông T vẫn tiếp diễn nên mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng hơn dẫn đến bà và ông T đã sống ly thân cùng nhau từ tháng 01/2015 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quỳnh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Hoàng K và ông Trần Quỳnh T có 02 đứa con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 13/10/2012 và Trần Thiên P, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang sống với bà K. Sau khi ly hôn bà K yêu cầu được quyền nuôi hai con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Quỳnh T: Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự và ông Trần Quỳnh T có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời ông có ý kiến đối với việc bà K yêu cầu ly hôn ông đồng ý, về con ông nhường quyền cho bà K nuôi các con, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi các con theo quy định của pháp luật, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hoàng K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Quỳnh T đã được cấp tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông T có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Quỳnh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng K và ông Trần Quỳnh T tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 139/2010 ngày 13/12/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoàng K và ông Trần Quỳnh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoàng K, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà K và ông T sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo cho gia đình vợ con, trong chi tiêu tài chính không rõ ràng dẫn đến thâm hụt, thiếu nợ bên ngoài, từ đó giữa bà K và ông T thường xuyên cãi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặc dù bà K cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng ông T không sửa đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bà K và ông T chính thức sống ly thân từ tháng 01/2015 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà K và ông T đã phát sinh từ sau khi cưới nhưng bà K đã cố gắng để duy trì cuộc hôn nhân của bà để cùng ông T nuôi dạy các con khôn lớn nhưng ông T không sửa đổi những khuyết điểm của mình, mặc dù bà khuê đã kéo dài cuộc hôn nhân giữa bà và ông T, nhưng bà K không tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân, cuộc sống hôn nhân không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Hoàng K và ông Trần Quỳnh T có 02 đứa con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 13/10/2012 và Trần Thiên P, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang sống với bà K và bà K có nguyện vọng tiếp tục nuôi con yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, từ khi bà Nguyễn Thị Hoàng K và ông Trần Quỳnh T không còn chung sống cùng nhau đến nay thì cháu Trần Minh K và Trần Thiên P sống cùng với bà K, tại phiên tòa bà K có nguyện vọng tiếp tục nuôi con nên cần tiếp tục giao 02 cháu Trần Minh K và Trần Thiên P cho bà Nguyễn Thị Hoàng K được quyền tiếp tục nuôi các con đến trưởng thành;

[5] Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hoàng K yêu cầu ông Trần Quỳnh T cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật yêu cầu cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại đơn xin vắng mặt ngày 10/8/2017 ông Trần Quỳnh T đồng ý nhường quyền nuôi con cho bà K tiếp tục nuôi các con đến trưởng thành ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì: *"cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Ông T không trực tiếp nuôi hai con Minh K và Thiên P nên ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con là phù hợp. Vì vậy cần buộc ông Trần Quỳnh T cấp dưỡng nuôi hai con là Trần Minh K, sinh ngày 13/10/2012 và Trần Thiên P, sinh ngày 28/8/2015 theo quy định pháp luật một tháng bằng ½ mức lương tối thiểu, tương đương mỗi cháu 650.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến hai cháu Trần Minh K và Trần Thiên P đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị Hoàng K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Bà Nguyễn Thị Hoàng K được ly hôn với ông Trần Quỳnh T.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Hoàng K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Trần Minh K, sinh ngày 13/10/2012 và Trần Thiên P, sinh ngày 28/8/2015 đến trưởng thành; Ông Trần Quỳnh T được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Quỳnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Trần Minh K, sinh ngày 13/10/2012 và Trần Thiên P sinh ngày 28/8/2015 mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu, với số tiền là 650.000 đồng/tháng/1 người con.

Phương thức cấp dưỡng: Cấp dưỡng hàng tháng.

Thời gian cấp dưỡng: Khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến cháu Trần Minh K và Trần Thiên P đủ 18 tuổi.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét;

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng K phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005359 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà K đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiện